UBND XÃ AN PHÚ **TRƯỜNG TH PHỔ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/BC-THPA	*An phú , ngày 13 tháng 01 năm 2026*

BÁO CÁO
Sơ kết học kì I năm học 2025- 2026

Căn cứ Hướng dẫn số 654/SGDĐT-GDMNTH ngày 20/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi, về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTH năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 538/UBND – VHXH của UBND xã An Phú V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ vào hoạt động dạy và học của nhà trường.Trường Tiểu học Phổ An báo cáo kết quả cuối học kì I năm học 2025- 2026 như sau:

I. Đặc điểm tình hình và bối cảnh thực hiện nhiệm vụ học kỳ I năm học 2025-2026.

1. Đội ngũ CBQL, GV, NV.

a. Thuận lợi

- Công tác giáo dục được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền địa phương xã An Phú.
- Được sự phối hợp của các lực lượng giáo dục, Ban đại diện cha mẹ học sinh nên phong trào giáo dục ngày càng phát triển.
- Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, đoàn kết, có năng lực chuyên môn tương đối đồng đều, yêu nghề nghiệp chăm học hỏi, có tinh thần trách nhiệm cao.

b. Khó khăn

- Một số ít phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập trực tuyến của học sinh

c. Đội ngũ CBQL, GV, NV. *(Không tính giáo viên nhà trường hợp đồng)*

Nhân sự	**Tổng số**	**Nữ**	**Trình độ**				**Chế độ lao động**		
			ĐH	**CĐ**	**TC**	**THPT**	**BC**	**HĐ**	
QL	2	0	2				2		

GV cơ bản		29	24	23	6			28	1	
TPT		1		1				1		
GV bộ môn	**ÂN**	2	1	2				1	1	
	TD	2	1	2				2		
	T. Anh	4	4	4				3	1	
	Tin	2	1	2				1	1	
	MT	1	1	1				1		
NV		5	4	1	2		2	2	3	
Tổng		**48**	**36**	**38**	**8**	**0**	2	**41**	7	

- Tỉ lệ giáo viên trên lớp 37/27 = 1,32. Để đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy So với chỉ tiêu giao năm 2025 trường thiếu 05 GV.

2. Quy mô trường, lớp, học sinh.

* Quy mô trường, lớp, học sinh:

- Tổng số lớp: 28 lớp; Tổng số HS: 1009 em (trong đó có 12 HS khuyết tật học hoà nhập). Chia ra các khối như sau:

Khối	Số lớp	Tổng số học sinh	Số HS nữ	HS khuyết tật	HS dân tộc TS	Lưu ban
1	5	175	83	3	0	
2	6	202	107	4	0	
3	6	220	102	3	1	
4	5	184	84	1	0	

5	6	228	113	1	0	
Cộng	**28**	**1009**	**489**	**12**	**1**	

Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100% .

* Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Diện tích : 4580 m2 Bình quân: 4,5m2//1HS
- Tổng số phòng kiên cố: 31
- Phòng chức năng khác : 6;
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo đủ cho việc quản lý, phục vụ cho việc dạy và học. Có đủ phòng học, đủ bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng và quạt mát cho học sinh học 2 buổi/ngày. Có 14 các phòng học và phòng chức năng đều có ti vi kết nối internet phục vụ cho các hoạt động dạy và học.
- Khối phòng hành chính quản trị: Tổng số 05 phòng (Hiệu trưởng 01; Phó hiệu trưởng 01; Văn thư 01; Thư viện 01; Kế toán 01)
- Khối phòng học tập: Tổng số 31 phòng (Phòng học 28, Phòng Giáo dục nghệ thuật 01; Phòng học Tin học 02;).
- Các phòng được trang bị thiết bị tối thiểu theo quy định. Trong đó số phòng được trang bị ti vi là 14 phòng.
- Số máy tính phục vụ dạy - học: 25; số máy tính phục vụ cho CB, GV, NV: 5. (100% số máy tính được kết nối internet)
- Thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu: 28 bộ/28 lớp.

II. Kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục.

1. Kết quả thực hiện.

- Nhà trường thường xuyên cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên bằng hình thức in ấn, photo lưu giữ để nghiên cứu và thực hiện. Triển khai các văn bản đến cán bộ GV, NV, HS qua các ứng dụng phổ biến, thông dụng như Zalo, Email...
- Chỉ đạo thực hiện giảng dạy đầy đủ đúng kế hoạch, chương trình SGK và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về chuyên môn của Sở GD và Phòng VHXH
- Thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; Thông tư số 39/2009/TTBGD&ĐT về quy định giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.
- Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 với các kịch bản phù hợp; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực hiện của nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch thời gian năm học và các chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục. - Khuyến khích giáo viên sử dụng công nghệ thông tin để soạn bài, lưu trên máy tính. Sử dụng các phần

mềm dạy học trực tuyến phù hợp đảm bảo chất lượng bài dạy được nâng cao và có hiệu quả tốt, giúp học sinh nắm vững bài và hứng thú học hơn.

- Tổ chức tốt lễ khai giảng năm học mới đảm bảo, học sinh phấn khởi bước vào năm học mới.

- Tổ chức thành công hội nghị VC, NLĐ đúng thời gian quy định. Hoàn thiện hồ sơ hội nghị VC, NLĐ nộp về UBND Xã kịp thời.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra giữa và cuối học kỳ I. Ra đề kiểm tra đúng các văn bản hướng dẫn.

- Tổ chức coi, chấm kiểm tra giữa và cuối HKI nghiêm túc, khách quan công bằng đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh.

- Thực hiện đánh giá viên chức đúng quy định.

2. Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân, bài học kinh nghiệm

a. Tồn tại, hạn chế:

- Tỉ lệ học sinh điểm dưới 5 trong bài KTĐK-HKI còn cao

- HS học tập còn lơ là, chậm tiến bộ nhất là đối tượng HS chưa hoàn thành.

- Các em còn lười ôn bài cũ, lười ghi bài vào vở. Chữ viết chưa ngay ngắn, viết còn mắc nhiều lỗi chính tả, trình bày bài chưa ngay ngắn, chưa sạch đẹp,.. còn rất nhiều em tính toán chậm.

- Tình hình vệ sinh sân trường chưa tốt.

- Phụ huynh tham gia mua BHYT cho con em còn chậm.

b. Nguyên nhân, bài học kinh nghiệm:

*** Nguyên nhân:**

- Một số học sinh có trí nhớ không bền vững (lâu nhớ, mau quên), thụ động, không chú ý tiếp thu bài, thiếu hòa đồng với bạn bè, lười thảo luận trong các hoạt động học tập.

- Các em chưa có ý thức học tập, ít tập trung, còn ham chơi.

- Trong từng tiết học, giáo viên chưa có thời gian đủ nhiều để hướng dẫn, giúp đỡ các học sinh chậm tiến trong lớp.

- Một số phụ huynh chưa quan tâm, chưa phối hợp chặt chẽ với giáo viên để có kế hoạch giúp đỡ thêm cho các em học tập ở nhà.

- Một số gia đình cha mẹ đi làm ăn nơi xa con cái chỉ gửi lại cho ông bà trông giữ, nên việc quan tâm nhắc nhở học sinh học tập còn hạn chế; mặt khác các em đam mê xem các nội dung điện thoại dẫn đến lười học.

*** Bài học kinh nghiệm:**

- Bố trí thời gian và nội dung hợp lí đối với các hoạt động dạy học và giáo dục để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hành vận dụng kiến thức đã học dưới sự hướng dẫn của giáo viên ở lớp và giúp đỡ của phụ huynh ở nhà. Giáo viên tổ chức, hướng dẫn cho học sinh giúp đỡ học tập lẫn nhau như: Học sinh hoàn thành tốt giúp đỡ học sinh

chưa hoàn thành (Đôi bạn cùng tiến), thi đua giữa các tổ, nhóm. Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để gây hứng thú học tập cho các em nhiều hơn.

- Giáo viên chủ nhiệm cần xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy phù hợp từng đối tượng học sinh. Các chủ đề giúp đỡ cần thống nhất theo bộ môn, đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức kĩ năng và phù hợp với nhận thức thực tế của học sinh.

- Các giáo viên trong quá trình giúp đỡ cần đảm bảo tính hệ thống, chú trọng phát triển tư duy và kỹ năng học tập cho học sinh, phương pháp tổ chức dạy học từng môn học và dạy phân hóa đối tượng học sinh.

- Giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, điều chỉnh thời lượng hợp lý để hướng dẫn học sinh hoàn thành nội dung học tập trong giờ học trên lớp, sử dụng có hiệu quả các tài liệu bổ trợ. Liên hệ, phối hợp với phụ huynh học sinh nhắc nhở, giúp đỡ học sinh học tập ở nhà.

-Tăng cường sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm; chủ động tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao chất lượng giảng dạy.

3. Đề xuất, kiến nghị.

- Đề nghị chính quyền địa phương và các ban ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất như: Ti vi, phòng chức năng, sân chơi bãi tập phục vụ cho hoạt động trải nghiệm của học sinh, nâng cao nền sân trường tránh ẩm thấp ngập nước vào mùa mưa, chấn chỉnh tình trạng người dân dựng phương tiện giao thông trước cổng trường để đi chợ cũng như mua bán hai bên khu vực trường, trả lại không gian thoáng đãng cho trường học.

- Cần có biện pháp hạn chế tiếng ồn tại địa phương (tình trạng hát Karaoke, ca hát trong đám tiệc của người dân xung quanh gây ảnh hưởng đến môi trường học tập)

- Cần bổ sung GV để đáp ứng đủ số lượng GV tham gia dạy học 2 buổi/ngày theo qui định.

III. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giáo dục:

1. Công tác tuyển sinh:

- Tổng số trẻ 6 tuổi trên địa bàn: 174 em;
- Số học sinh vào lớp 1: 174 em đạt tỷ lệ: 100%

2. Duy trì số lượng:

- Tổng số lớp:28 lớp. Tổng số học sinh: 1009 em (trong đó có 12 em khuyết tật).
- Bình quân học sinh/lớp: 35,9 học sinh.

3. Quản lý Hồ sơ sổ sách.

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc hệ thống hồ sơ sổ sách quy định của nhà trường và từng cá nhân: có đủ số lượng đầu hồ sơ quy định, chất lượng hồ sơ tương đối tốt.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân ở từng bộ phận quản lý theo dõi cập nhật vào sổ đảm bảo sạch sẽ, số liệu chính xác kịp thời.

- Hệ thống hồ sơ sổ sách được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tuyệt đối an toàn.

4. Chất lượng dạy và học:

* Giáo dục đạo đức HS:

- Chỉ đạo và thực hiện tốt nội dung chương trình giáo dục môn đạo đức.

- Tăng cường các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử địa phương, tích cực đổi mới phương pháp dạy - học môn Đạo đức, thực hiện tích hợp giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống vào các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả.

- Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong công tác giáo dục đạo đức học sinh. Sử dụng hiệu quả thông tin 2 chiều giữa giáo viên và cha mẹ học sinh thông qua các ứng dụng phổ biến, thông dụng như Facebook, Zalo, Email...

- Tổ chức thi trang trí lớp, HS làm thiệp chúc mừng về thầy cô, Văn nghệ... Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

* Giáo dục thể chất, thẩm mỹ

- Nhà trường đã tổ chức linh hoạt việc giảng dạy môn giáo dục thể chất qua bài dạy trực tuyến và gửi Video cho HS học tập.

* Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh:

- Tổ chức tốt việc ra đề và kiểm tra định kì giữa và cuối kì I để có kế hoạch giúp đỡ học sinh yếu, kém vươn lên trong học tập. Nộp đề, đáp án, kết quả đúng thời gian quy định.

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh thực hiện đúng theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 về đánh giá học sinh lớp Tiểu học.

***Kết quả các môn học đánh giá bằng điểm số:**

KHỐI	Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)
1	Tiếng việt	75	42,86	87	49,71	13	7,43
	Toán	102	58,29	66	37,71	7	4

2	Tiếng việt	91	45,05	99	49,01	12	5,94
	Toán	112	55,45	78	38,61	12	5,94
3	Tiếng việt	82	37,27	120	54,55	18	8,18
	Toán	85	38,64	116	52,73	19	8,63
	Tiếng Anh	111	50,45	93	42,27	16	7,2
	TH-CN	94	42,73	103	46,82	23	10,45
4	Tiếng việt	61	33,15	110	59,78	13	7,07
	Toán	78	42,39	89	48,37	17	9,24
	Khoa học	89	48,37	88	47,83	7	3,8
	LS&ĐL	100	54,35	82	44,56	2	1,09
	T. Anh	74	40,22	94	51,09	16	8,69
	TH-CN	132	71,74	51	27,72	1	0,54
5	Tiếng việt	92	40,35	129	56,58	7	3,07

	Toán	103	45,18	117	51,32	8	3,51
	Khoa học	137	60,09	89	39,04	2	1,0
	LS&ĐL	129	56,58	99	43,42	0	0
	T. Anh	89	39,04	97	42,54	42	18,42
	TH-CN	59	25,9	119	52,2	50	21,9

4.1. Về phẩm chất

Khối	Nội dung	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)
1	Yêu nước	175	171	98,3	4	1,7	0	0
	Nhân ái	175	171	98,3	4	1,7	0	0
	Chăm chỉ	175	117	67,2	54	30,5	4	2,3
	Trung thực	175	152	87,4	23	12,6	0	0
	Trách nhiệm	175	117	67,2	56	31,6	2	1,2
2	Yêu nước	202	199	98,5	3	1,5	0	0
	Nhân ái	202	200	99	2	1,0	0	0
	Chăm chỉ	202	139	68,8	61	30,2	2	1,0
	Trung thực	202	159	78,7	41	20,3	2	1,0
	Trách nhiệm	202	140	69,3	60	29,7	2	1,0
3	Yêu nước	220	211	95,9	9	4,1	0	0
	Nhân ái	220	208	94,5	12	5,5	0	0
	Chăm chỉ	220	139	63,2	76	34,5	5	2,3

	Trung thực	220	176	80	42	19,1	2	0,9
	Trách nhiệm	220	154	70	64	29,1	2	0,9
4	Yêu nước	184	140	76,1	44	23,9	0	0
	Nhân ái	184	141	76,63	43	23,37	0	0
	Chăm chỉ	184	78	42,4	106	57,6	0	0
	Trung thực	184	130	70,65	54	29,35	0	0
	Trách nhiệm	184	87	47,28	97	52,72	0	0
5	Yêu nước	228	181	79,4	47	20,6	0	0
	Nhân ái	228	185	81,1	43	18,9	0	0
	Chăm chỉ	228	140	61,4	79	34,6	9	4,0
	Trung thực	228	176	77,2	52	22,8	0	0
	Trách nhiệm	228	159	69,7	62	27,2	7	3,1

4.2. Về năng lực

- Năng lực chung

Khối	**Nội dung**	**Tổng số HS**	**Tốt**		**Đạt**		**Cần cố gắng**	
			SL	**Đạt (%)**	**SL**	**Đạt (%)**	**SL**	**Đạt (%)**
1	Năng lực tự chủ và tự học	175	98		64		13	
	Năng lực giao tiếp và hợp tác	175	108		61		6	
	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	175	101		64		10	
2	Năng lực tự chủ và tự học	202	140		52		10	
	Năng lực giao tiếp và hợp tác	202	141		51		10	
	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	202	141		51		10	
3	Năng lực tự chủ và tự học	220	131		80		9	
	Năng lực giao tiếp và hợp tác	220	138		68		14	

	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	220	105		98		17	
4	Năng lực tự chủ và tự học	184	85		90		9	
	Năng lực giao tiếp và hợp tác	184	92		91		1	
	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	184	74		100		10	
5	Năng lực tự chủ và tự học	228	96		104		28	
	Năng lực giao tiếp và hợp tác	228	103		97		28	
	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	228	68		97		63	

- Năng lực đặc thù:

Khối	Nội dung	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)	SL	Đạt (%)
1	Ngôn ngữ	175	73		89		13	
	Tính toán	175	104		64		7	
	Tin học	175						
	Công Nghệ	175						
	Khoa học	175	101		73		1	
	Thẩm mĩ	175	74		98		3	
	Thể chất	175	91		84		0	
2	Ngôn ngữ	202	102		86		14	
	Tính toán	202	118		70		14	
	Tin học	202						
	Công Nghệ	202						
	Khoa học	202	124		74		4	
	Thẩm mĩ	202	113		82		7	
	Thể chất	202	139		61		2	
3	Ngôn ngữ	220	74		124		22	
	Tính toán	220	85		120		15	
	Tin học	220	109		106		5	
	Công Nghệ	220	93		106		21	
	Khoa học	220	112		106		2	

	Thẩm mĩ	220	124		96		0	0
	Thể chất	220	153		67		0	0
4	Ngôn ngữ	184	41		128		15	
	Tính toán	184	68		99		17	
	Tin học	184	88		96		0	0
	Công Nghệ	184	128		55		1	
	Khoa học	184	77		102		5	
	Thẩm mĩ	184	81		99		4	
	Thể chất	184	91		93		0	0
5	Ngôn ngữ	228	79		113		36	
	Tính toán	228	103		117		8	
	Tin học	228	91		126		11	
	Công Nghệ	228	58		127		43	
	Khoa học	228	111		113		4	
	Thẩm mĩ	228	69		152		7	
	Thể chất	228	108		120		0	0

4.3. Về hoạt động thi đua các tập thể lớp:

- Hội thi ***"Tiếng hát măng non"*** cấp trường kết quả:

Giải nhất : 1B, 3C, 4D, 5G

Giải nhì : 1A, 1C, 2C, 2D, 3G, 4B, 5B, 5E

Giải ba : 4A, 1E, 3B, 2A

- Hội thi ***" Trang trí lớp học - Góc học tập thân thiện"***

Kết quả :Giải A :1A, 2E, 2G, 3C, 4D, 4E, 5G

Giải B :1C, 1D, 1E, 2B, 3A, 3B, 3D, 3E, 4A, 4B, 5A, 5B, 5C

Giải C :1B, 2A, 2C, 2D, 5D

Không xếp loại : 3G, 4C, 5E.

- Tổ chức thi IOE cấp trường: Có 2 em được BTC tặng GCN.

4.4. Về giáo viên:

- Giáo viên đăng kí và thực hiện 37 tiết dạy tốt- học tốt. BGH cùng tổ chuyên môn dự giờ và đánh giá 10 tiết, kết quả đạt 10/10 tiết tốt.

- GVCN ở tất cả các lớp triểm khai thực hiện kế hoạch tổ chức phong trào thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, tạo không khí thi đua sôi nổi ở lớp, trường.

5. Những ưu điểm và yếu kém cần khắc phục:

- Ưu điểm: Học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng của các phân môn; Có đầy đủ sách vở và đồ dùng học tập; Biết tự phát hiện và sửa chữa lỗi sai, tự giải quyết các vẫn đề, tự phục vụ bản thân; Biết làm việc, học tập và làm việc theo nhóm; Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục khác; Tự tin, tự trọng, đoàn kết, trung thực, yêu quý gia đình bạn bè, trường lớp, thầy cô.

- Nhược điểm:

+ Vẫn còn học sinh chưa hoàn thành môn học.

+ Một số ít HS chưa biết tự phục vụ bản thân, chưa chăm học. (Qua trao đổi kết hợp PH và GVCN)

5. Công tác kiểm tra nội bộ.

Nhà trường luôn quan tâm thường xuyên đến công tác kiểm tra dưới nhiều hình thức:

TT	Nội dung kiểm tra	Tổng số	Xếp loại	
			Tốt	Khá
1	Kiểm tra nề nếp học tập của HS đầu năm học 2025-2026.	2	2	
2	Kiểm tra công tác dạy học 2 buổi/ngày năm học 2025-2026.	2	2	

6. Công tác quản lý, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn các chuyên đề do Sở GD&ĐT tổ chức.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên tham dự tập huấn chính trị hè 2025 trực tuyến tại trường.

- Thực hiện chuyên đề cấp trường đó là:

+ Tạo hứng thú khi học môn Toán cho học sinh lớp 5.

+ Áp dụng phương pháp dạy học lấy hoạt động học sinh làm trung tâm.

- Qua kiểm tra toàn diện, chuyên đề, dự giờ thăm lớp BGH đã giúp giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp giáo viên nâng cao tính kỷ luật, trách nhiệm với học sinh và nâng cao được trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

7. Quản lý tài chính, cơ sở vật chất:

- Đảm bảo chi đúng mục đích, đúng chế độ và công khai Tài chính rõ ràng minh bạch.

- Các loại tài sản được cập nhật ghi chép đầy đủ rõ ràng vào sổ tài sản đúng và kịp thời .

8. Trang thiết bị dạy học:

100% giáo viên đã biết sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học và các tiết hội giảng, thao giảng, chuyên đề.

9. Công tác XMC-PCGD:

- Tổng số trẻ 6 tuổi phải phổ cập: 174 em.
- Huy động trẻ vào lớp 1: 174 em ; Đạt tỷ lệ: 100%
- Đã và đang thực hiện tốt công tác điều tra PCGD - XMC.

+ Tổng số trẻ khuyết tật học hòa nhập: 09 em

10. Công tác thư viện:

Nhà trường bổ sung sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện ... để số đầu sách trong thư viện được phong phú.

+ Thư viện tổ chức nhiều hoạt động bổ ích như kể chuyện, nói lời hay, giới thiệu sách...

11. Công tác đoàn thể

* Đoàn + Đội: Đoàn TNCSHCM đã phát huy vai trò xung kích, đẩy mạnh các hoạt động thi đua chào mừng các ngày lễ lớn như 20/10 và 20/11. Đội thiếu niên có nhiều hoạt động tích cực trong năm chương trình hoạt động như :

Tháng 11: Tổ chức hội thi Văn nghệ, làm thiệp tặng Thầy, cô

- Tổ chức tiết chào cờ đầu tuần cho học sinh.
- Tổ chức cho học sinh hoạt động theo chủ đề hướng tới chào mừng ngày 20-10; 20-11 .

12. Công tác thông tin báo cáo:

- Trường đã thực hiện tốt công tác thông tin báo cáo 2 chiều giữa trường và UBND Xã. Nộp báo cáo đầy đủ đúng thời gian quy định, luôn chú trọng đến độ chính xác của thông tin.
- Coi trọng việc cập nhật, lưu trữ thông tin giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc giao nhận công văn đi - đến.

*** ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

*** Ưu điểm chính**

Nhà trường đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra. Bằng nhiều giải pháp và phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể xã hội, trong và ngoài nhà trường. Kết quả thực hiện nhiệm vụ học kỳ I đã có nhiều chuyển biến tích cực và tiến bộ rõ nét. Mọi nề nếp của trường được duy trì tốt và thường xuyên. Thực hiện tốt công tác quản lý chỉ đạo, hoạt động chuyên môn và đoàn thể. Quan tâm đến các phong trào do ngành phát động. Hoàn thành công tác phổ cập GDTHĐĐT. Chất lượng giáo dục được duy trì ổn định.

***Tồn tại:** Kết quả kiểm tra kỳ I khối 1 còn HS chưa hoàn thành môn học.

***Tự xếp loại** : Tốt

IV. Nhiệm vụ chủ yếu và giải pháp triển khai kế hoạch nhiệm vụ học kỳ II, năm học 2025-2026.

1. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Chỉ đạo giảng dạy đầy đủ đúng chương trình quy định.
- Thực hiện nghiêm túc các nền nếp quy định.
- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, tập trung chỉ đạo rút kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy mới.
- Chi bộ: phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Trường: Tập thể lao động tiên tiến
- Hoàn thiện báo cáo cuối năm. Bình xét danh hiệu thi đua cuối năm học.

2. Biện pháp thực hiện:

- Thực hiện tốt công tác quản lý chỉ đạo.
- Xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết cho các hoạt động và phong trào.
- Thực hiện tốt chương trình kế hoạch bồi dưỡng của trường.
- Phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân và tổ khối.
- Làm tốt công tác thi đua khen thưởng. Xây dựng mối đoàn kết nhất trí trong trường quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2025- 2026

Nơi nhận:
- Phòng VH-XH (để báo cáo);
- BGH trường;
- Các tổ CM đoàn thể;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ AN PHÚ TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHỐ AN

Bùi Ngọc Hà